

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TI CỔ PHẦN TRONG LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PHẠM THỊ HUYỀN *
NGUYỄN QUANG HUY **

Tóm tắt: Luật Doanh nghiệp năm 2020 ra đời đã khắc phục được nhiều hạn chế của Luật Doanh nghiệp năm 2014, đặc biệt là đối với vấn đề quản trị công ty cổ phần, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển cũng như bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà đầu tư; tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần phải hoàn thiện liên quan đến các chế định về người đại diện theo pháp luật, cơ cấu tổ chức quản lý và quyền lợi của cổ đông thiểu số. Bài viết trình bày các điểm mới và những hạn chế của Luật Doanh nghiệp năm 2020, song song với việc tham khảo kinh nghiệm pháp luật quốc tế về quản trị công ty cổ phần để từ đó đưa ra đề xuất khắc phục, góp phần hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: Luật Doanh nghiệp năm 2020; quản trị công ty; công ty cổ phần; Việt Nam

Nhận bài: 01/10/2021

Hoàn thành biên tập: 25/02/2022

Duyệt đăng: 25/02/2022

SALIENT POINTS OF MANAGEMENT IN JOINT STOCK COMPANY AND ARISING ISSUES UNDER THE 2020 LAW ON ENTERPRISES

Abstract: The 2020 Law on Enterprises has overcome many limitations of the 2014 Law on Enterprises, especially regarding the governance of joint-stock companies, creating favorable conditions for enterprises to grow their businesses and protect the legitimate interests of investors; However, there are still some issues that need to be improved, such as the regulations on legal representatives, the management structure, and the rights of minority shareholders. The article presents new points and limitations of the 2020 Law on Enterprises. It also studies international experience on joint-stock company governance to make recommendations for Vietnam to further refine its corporate law.

Keywords: The 2020 Law on Enterprises; company management; joint stock company; Vietnam

Received: Oct 1st, 2021; Editing completed: Feb 25th, 2022; Accepted for publication: Feb 25th, 2022

1. Những điểm mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về quản trị công ty cổ phần

Trên thế giới hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về quản trị công ty. Ví dụ, tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cho rằng “quản trị công ty liên quan tới một tập

hợp các mối quan hệ giữa ban giám đốc, hội đồng quản trị, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Quản trị công ty cũng thiết lập cơ cấu qua đó giúp xây dựng mục tiêu của công ty, xác định phương tiện để đạt được các mục tiêu đó, và giám sát hiệu quả thực hiện mục tiêu”¹. Còn theo Ủy ban châu

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: huyen.phuong2412@gmail.com

** Thạc sĩ, Bộ Tư pháp
Email: huycclever91@gmail.com

¹ <https://www.oecd.org/daf/ca/corporategovernanceprinciples/45034702.pdf>, truy cập 12/12/2021.

Âu (European Commission) thì “quản trị công ti được hiểu một cách truyền thống như là một hệ thống giúp các công ti điều hành và chỉ đạo cũng như các mối liên hệ giữa người quản lí, ban quản trị, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan của công ti”².

Dù được định nghĩa khác nhau nhưng các khái niệm đều có điểm chung là xem xét quản trị công ti liên quan đến cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong công ti. Do đó, quản trị công ti được xem xét là một yếu tố then chốt để đẩy mạnh hiệu quả thị trường, phát triển kinh tế cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư³. LDN nói riêng và pháp luật về công ti nói chung đều đề cao vấn đề quản trị công ti, đặc biệt LDN năm 2020 đã có những điều chỉnh cơ bản liên quan đến quản trị công ti cổ phần để phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư cũng như tạo điều kiện phát triển hơn nữa cho doanh nghiệp.

1.1. Thay đổi liên quan đến người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Đề tạo thuận lợi cho quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế, từ LDN năm 2014 đã cho phép công ti có nhiều người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, LDN năm 2014 lại không quy định rõ ràng thẩm quyền của từng người đại diện mà dành quyền cho điều lệ công ti quy định. Việc không phân định thẩm quyền đã dẫn đến tình trạng dù là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, kí hợp đồng với bên thứ ba nhưng

theo điều lệ công ti quy định, người đại diện lại không có đủ thẩm quyền kí hợp đồng; trong khi đó, không phải lúc nào đối tác hay khách hàng của công ti cũng dễ dàng tiếp cận điều lệ công ti, nếu đối tác không xác định được ai là người đại diện có thẩm quyền kí kết hợp đồng, khi có tranh chấp xảy ra, liệu hợp đồng đã kí kết có phát sinh hiệu lực với công ti hay không? Ngoài ra, nhiều trường hợp công ti có nhiều người đại diện theo pháp luật nhưng lại không phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật. Thực tế cho thấy, trong trường hợp này người đại diện theo pháp luật có thể đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, từ chối đại diện cho công ti với tư cách bị đơn; dẫn đến gây khó khăn cho tòa án, các bên có liên quan trong giải quyết tranh chấp với doanh nghiệp, gây khó khăn, thiệt hại cho bên thứ ba⁴.

LDN năm 2020 vẫn giữ nguyên quy định công ti cổ phần (CTCP) có thể có nhiều hơn một người là người đại diện theo pháp luật, tuy nhiên đã làm rõ hai vấn đề - cũng được xem là hai bất cập của Luật cũ, cụ thể:

Một là, thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật: Trường hợp công ti có từ nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật và điều lệ không phân công rõ quyền và nghĩa vụ từng người thì mỗi người đều là đại diện đủ thẩm quyền trước các bên thứ ba. Quy định như trên sẽ bảo đảm quyền lợi của bên thứ ba khi giao kết hợp đồng với bất kì người đại diện theo pháp luật nào của doanh nghiệp; đồng thời, tạo sự linh hoạt trong

² Trương Quang Anh, “Quy chế pháp lí quản trị công ti cổ phần tại Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 2/2019, tr. 4.

³ <https://www.oecd.org/daf/ca/corporategovernanceprinciples/45034702.pdf>, truy cập 12/12/2021.

⁴ Thuyết minh chi tiết về Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), kèm theo Báo cáo số 7900/BC-BKHĐT ngày 25/10/2019, <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=44300&idcm=140>, truy cập 07/3/2022.

quản lí, điều hành hoạt động của doanh nghiệp khi người đại diện đều có đủ thẩm quyền trong thực hiện công việc.

Hai là, trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật: Tất cả người đại diện theo pháp luật phải liên đới chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp. Không chỉ ràng buộc trách nhiệm của những người đại diện theo pháp luật với công việc chung của công ti, mà quy định như trên còn bảo đảm sự phối kết hợp và thống nhất ý chí giữa những người đại diện theo pháp luật của công ti, tránh tình trạng bất đồng ý kiến hoặc “mạnh ai người nấy làm”.

1.2. Thay đổi liên quan đến quyền của cổ đông phổ thông

Thứ nhất, giảm tỉ lệ sở hữu cổ phần phổ thông tối thiểu của cổ đông, nhóm cổ đông khi thực hiện những quyền quan trọng

Công ti cổ phần là loại hình công ti đối vốn đặc trưng, mọi vấn đề trong công ti được quyết định bởi tỉ lệ cổ phần mà cổ đông đó sở hữu. Do đó các cổ đông nhỏ có thể liên kết để tạo được tỉ lệ sở hữu cổ phần nhất định, có quyền trong việc đưa ra các quyết định quản lí, điều hành hoạt động của công ti. Ngay từ những văn bản LDN đầu tiên đã rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhóm cổ đông trong CTCP, ví dụ khoản 2 Điều 114 LDN năm 2014 quy định tỉ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông để thực hiện các quyền nói trên thường là 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Tuy nhiên, việc cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông là không dễ, đặc biệt với những CTCP lớn.

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, đồng thời mở rộng mức độ và phạm vi quyền của cổ đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để

cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình, LDN năm 2020 đã giảm yêu cầu điều kiện về tỉ lệ sở hữu cổ phần phổ thông từ 10% xuống 5% hoặc tỉ lệ khác nhỏ hơn theo quy định của điều lệ công ti để cổ đông thực hiện quyền quan trọng, như: tiếp cận thông tin về hoạt động công ti, yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)...

Thứ hai, bãi bỏ thời gian sở hữu tối thiểu cổ phần của công ti cổ phần khi thực hiện các quyền quan trọng

Theo quy định tại LDN năm 2014, để thực hiện một số quyền của mình như đề cử người vào HĐQT và ban kiểm soát, triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, giám đốc hoặc tổng giám đốc,... cổ đông, nhóm cổ đông bắt buộc phải sở hữu liên tục một tỉ lệ cổ phần nhất định trong thời hạn 06 tháng. Quy định thời gian sở hữu liên tục có thể bảo đảm ràng buộc cổ đông với công ti, đồng thời tránh những xáo trộn trong tổ chức, quản lí công ti. Tuy nhiên, quy định này đã làm hạn chế quyền của cổ đông mới khi không được thực hiện ngay quyền làm chủ của mình. Có thể kể đến như vụ việc xảy ra tại Tổng CTCP bia rượu nước giải khát Sài Gòn (Sabeco), cuối năm 2017, Tập đoàn Thai Beverage Public (Thaibev) đã mua thành công 53,59% vốn điều lệ của Sabeco thông qua Công ti TNHH Vietnam Beverage. Tuy nhiên do không sở hữu cổ phần liên tục 06 tháng, nên Thaibev không được đề cử người vào HĐQT và ban kiểm soát theo LDN năm 2014. Để giải quyết vướng mắc trên, Thaibev phải nhiều lần kiến nghị Chính phủ, Bộ Công thương để đề xuất Bộ Công thương (sở hữu 36% cổ phần) triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu các nhân sự do ThaiBev đề cử vào vị

trí thành viên HĐQT⁵. Mặc dù ThaiBev là cổ đông sở hữu tỉ lệ lớn cổ phần nhưng lại không có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của công ti, mà phải chờ đủ 06 tháng - quy định trên đã gây hạn chế lớn quyền của cổ đông trong công ti. Sự việc tại CTCP Sabeco không phải là hi hữu, cá biệt còn có trường hợp các cổ đông cũ của công ti vận dụng quy định về thời gian sở hữu cổ phần tối thiểu để gây khó khăn cho các cổ đông mới như vụ việc từng xảy ra tại CTCP Văn hóa Phương Nam vào năm 2017⁶.

Như vậy, với việc bỏ thời hạn nắm giữ cổ phần tối thiểu 06 tháng liên tục, LDN năm 2020 đã góp phần bảo vệ quyền lợi của các cổ đông mới gia nhập công ti, tránh việc các cổ đông cũ lạm dụng quy định này để hạn chế quyền của cổ đông mới. Việc bảo đảm quyền lợi chính đáng cho các cổ đông không chỉ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư mà còn góp phần không nhỏ thúc đẩy hoạt động quản lí, kinh doanh có hiệu quả của CTCP.

1.3. Thay đổi liên quan đến ủy ban kiểm toán trực thuộc hội đồng quản trị

Điều 137 LDN năm 2020 giữ nguyên quy định CTCP có thể lựa chọn một trong hai mô hình tổ chức như LDN trước đây, bao gồm: 1) ĐHĐCĐ, hội đồng quản trị (HĐQT), ban kiểm soát, giám đốc/tổng giám đốc; 2) ĐHĐCĐ, HĐQT, giám đốc/tổng giám đốc.

Trong trường hợp công ti lựa chọn mô hình không thành lập ban kiểm soát, công ti

phải có ít nhất 20% số thành viên HĐQT là thành viên độc lập và có ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Đây là điểm mới được sửa đổi so với quy định tại LDN năm 2014, theo đó thuật ngữ “ban kiểm toán” đã được sửa đổi thành “ủy ban kiểm toán”. Đồng thời, luật hiện hành cũng quy định cụ thể về quyền cũng như cơ cấu của ủy ban kiểm toán này. Sự thay đổi về mặt tên gọi này được đánh giá là hợp lí, xuất phát từ những lí do sau:

Thứ nhất, mô hình tồn tại ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT cũng là mô hình quản trị công ti tiệm cận với thông lệ tiên tiến hiện nay trên thế giới. Theo mô hình này, ủy ban kiểm toán sẽ là một ủy ban chuyên trách của HĐQT, chịu trách nhiệm định hướng và giám sát một số lĩnh vực quản trị cụ thể bao gồm việc thiết lập, triển khai và đảm bảo tính hiệu quả của một chức năng kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Do đó, trong Bộ Nguyên tắc quản trị công ti theo thông lệ tốt nhất đầu tiên của Việt Nam, được ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) vào ngày 13/8/2019, đã có tổng cộng 20 thông lệ tốt được khuyến nghị nằm trong 7 nhóm nguyên tắc chi tiết có đề cập đến ủy ban kiểm toán. Do đó, việc điều chỉnh về tên gọi và quy định rõ hơn quyền hạn của ủy ban kiểm toán là cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, thực tiễn áp dụng quy định của LDN năm 2014 cho thấy khái niệm “ban kiểm toán nội bộ” gây nhầm lẫn với bộ phận tương tự thuộc ban điều hành. Trên thực tế, các công ti đã áp dụng mô hình này đổi tên thành “ủy ban kiểm toán” hoặc “tiểu ban kiểm toán” để tránh sự trùng lặp như nêu trên. Sự thay đổi hợp lí về tên gọi sẽ giúp tránh được sự nhầm lẫn không đáng có giữa

⁵ Cao Thị Hòa, Lê Văn Tiến, “*Củng cố*” vị thế cổ đông thiểu số theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, <http://vietthink.vn/vi/tin-tu-vietthink.nd/cung-co-vi-the-co-dong-thieu-so-theo-luat-doanh-nghiep-2020.html>, truy cập 23/9/2021.

⁶ Bùi Trang, *Từ vụ PNC, rắc rối thời hạn nắm giữ cổ phiếu*, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/tu-vu-pnc-rac-roi-thoi-han-nam-giu-co-phiieu-post155801.html>, truy cập 23/9/2021.

bộ phận này với bộ phận kiểm toán độc lập của công ti.

Do đó, từ sau khi LDN năm 2020 có hiệu lực, nhiều CTCP tại nước ta đã nhanh chóng thay đổi tên gọi “ban kiểm toán nội bộ” thành “ủy ban kiểm toán”. Ví dụ, ngày 27/11/2020, hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Hoa Sen đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ/HĐQT/2020 về việc thông qua chủ trương chuyển đổi ban kiểm toán nội bộ thành ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT; CTCP Vận tải đa phương thức Duyên Hải đã thành lập ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT thay thế ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT trước đây, hay trường hợp thành lập ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT của CTCP SCI vào ngày 27/7/2021...

1.4. Thay đổi liên quan đến đại hội đồng cổ đông

Với tính chất là thiết chế có quyền lực cao nhất của CTCP, những quyết định quan trọng của công ti được thông qua bởi ĐHĐCĐ. Quyền lực của ĐHĐCĐ được thực hiện qua các cuộc họp và bằng việc ra các nghị quyết. Với tính chất và tầm quan trọng của cuộc họp ĐHĐCĐ mà pháp luật không chỉ quy định chi tiết về thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà còn ghi nhận cụ thể về điều kiện tiến hành cuộc họp cũng như cách thức thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ. So với LDN năm 2014, Luật hiện hành đã có những điều chỉnh nhất định liên quan đến CTCP, cụ thể là:

Thứ nhất, về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Trước thời điểm LDN năm 2014 có hiệu lực, điều kiện họp ĐHĐCĐ rất khắt khe, đòi hỏi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Điều 102 LDN năm 2005). 65% được xem là tỉ lệ rất cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến điều

kiện họp lệ của cuộc họp ĐHĐCĐ, thực tế rất ít công ti có thể triệu tập được cuộc họp lần đầu họp lệ⁷. Tỉ lệ này được giảm xuống 51% tại LDN năm 2014 được xem như đã “cởi trói” cho CTCP; tuy nhiên, tỉ lệ 51% vẫn chưa thực sự hợp lí, xuất phát từ việc CTCP là công ti đối vốn, do đó chỉ cần bảo đảm tỉ lệ quá bán, tức là chỉ cần số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham gia để cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất tiến hành họp lệ - đây cũng chính là cách quy định tại Điều 145 LDN hiện hành.

Thứ hai, về điều kiện thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thực hiện thẩm quyền của mình thông qua việc đưa ra nghị quyết, có thể bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Điều kiện để thông qua sẽ khác nhau tùy từng trường hợp cụ thể. Trước LDN năm 2022, thông thường điều kiện để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ là có số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ những nội dung quan trọng như thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lí công ti - tỉ lệ này là 65%;... Tỉ lệ này đã có sự thay đổi ở LDN hiện hành, cụ thể khoản 1, khoản 2 Điều 148 LDN năm 2020 quy định: nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành với những quyết định quan trọng như thay đổi cơ cấu tổ chức quản lí công ti; tổ chức lại, giải thể công ti; những quyết định khác thông

⁷ Xem thêm: Trần Lê, "Cười nụ, khóc thầm" quanh tỉ lệ 51%, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/cuoi-nu-khoc-tham-quanh-ty-le-51-post136007.html>, truy cập 07/3/2022

thường được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Sự thay đổi trong quy định về tỉ lệ từ “ít nhất 51%” thành “trên 50%” đã phản ánh rõ sự thay đổi cách xác định yếu tố “chi phối” trong LDN năm 2020. Cụ thể, tỉ lệ trên 50% tức là chỉ cần số cổ đông đại diện từ 50,01% tổng số phiếu biểu quyết tán thành là đủ điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ, điều đó đồng nghĩa với việc cổ đông sở hữu từ 50,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong CTCP sẽ có quyền chi phối, thông qua hoặc không thông qua các quyết định của công ti. Không chỉ đối với CTCP mà tiêu chí xác định tính chi phối cũng được sử dụng khi xây dựng khái niệm doanh nghiệp nhà nước, theo đó doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (khoản 11 Điều 4 LDN năm 2020); tương tự như vậy, tiêu chí xác định tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư năm 2020 cũng có sự thay đổi về tỉ lệ nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ trên 51% vốn điều lệ theo Luật Đầu tư năm 2014 xuống trên 50% vốn điều lệ theo luật đầu tư hiện hành.

Qua phân tích những thay đổi trong quản trị công ti cổ phần, có thể thấy LDN năm 2020 đã có những thay đổi khá toàn diện, dung hòa tốt quyền của các nhóm cổ đông trong CTCP. Cụ thể, bên cạnh giảm tỉ lệ cổ đông tham dự để cuộc họp ĐHĐCĐ hợp lệ hay tỉ lệ thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ thì LDN năm 2020 cũng đồng thời nâng cao quyền của cổ đông phổ thông thông qua việc: 1) giảm tỉ lệ sở hữu cổ phần tối thiểu

để cổ đông thực hiện những quyền quan trọng của công ti; 2) tạo thuận lợi hơn cho cổ đông tiếp cận thông tin về tình hình hoạt động và quản lí công ti; 3) bỏ quy định thời gian sở hữu 06 tháng liên tục để cổ đông thực hiện những quyền quan trọng như yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, khởi kiện trách nhiệm dân sự với thành viên HĐQT, giám đốc, tổng giám đốc,...

2. Những hạn chế trong quy định về quản trị công ti cổ phần tại Luật Doanh nghiệp năm 2020

Bên cạnh những thay đổi tích cực, tạo môi trường pháp lí thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, nâng cao quyền của cổ đông trong công ti cũng như tiệm cận mô hình tổ chức quản lí của các nước tiên tiến, liên quan vấn đề quản trị CTCP, LDN năm 2020 vẫn tồn tại một số bất cập cần hoàn thiện.

2.1. Quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Đối với CTCP có nhiều người đại diện theo pháp luật, khoản 2 Điều 12 LDN năm 2020 quy định điều lệ công ti phải quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật; trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong điều lệ công ti thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ti đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba. Như vậy, có thể hiểu rằng, khi xác lập giao dịch với bên thứ ba, nếu điều lệ công ti đã có quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật thì chỉ người đại diện với quyền và nghĩa vụ tương ứng đã được quy định tại điều lệ mới được coi là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba. Quy định này mặc

dù có mục đích bảo vệ các bên thứ ba khi tham gia giao dịch với CTCP song cách tiếp cận của người làm luật còn khá dè dặt, dẫn đến mục đích bảo vệ bên thứ ba vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện.

Trên thực tế, việc tìm hiểu thông tin về quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật trong CTCP có thể mất nhiều thời gian và gặp nhiều trở ngại, cản trở việc tham gia giao dịch với doanh nghiệp của bên thứ ba. Mặc dù thông tin về danh tính người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là một trong những nội dung bắt buộc của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp song điều lệ công ti là nơi quy định quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật cụ thể lại chưa có quy định pháp luật rõ ràng về việc bắt buộc phải được công bố công khai, dễ tiếp cận. Khoản 2 Điều 176 LDN năm 2020 quy định điều lệ CTCP phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, tuy nhiên lại không có quy định cụ thể về việc công khai thông tin trong trường hợp công ti không có trang thông tin điện tử, cũng như không quy định về việc phải cập nhật thông tin công khai trong trường hợp điều lệ công ti được sửa đổi, bổ sung. Như vậy, trong trường hợp doanh nghiệp không hợp tác cung cấp điều lệ công ti bản cập nhật mới nhất theo yêu cầu của bên thứ ba mong muốn xác lập giao dịch, bên thứ ba cần liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh để xin tiếp cận với thông tin về điều lệ công ti trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, về mặt nguyên tắc, cơ quan đăng ký kinh doanh không có nghĩa vụ phải cung cấp các thông tin này khi được

yêu cầu, dẫn đến thời gian có thể bị kéo dài và yêu cầu có thể không được chấp thuận, ảnh hưởng lớn đến lợi ích của bên thứ ba đó.

2.2. Quy định về quyền khởi kiện người quản lý công ti của cổ đông phổ thông

Mặc dù LDN năm 2020 đã thành công trong việc nâng cao quyền lợi của cổ đông phổ thông trong CTCP như đã phân tích ở mục 1 song quyền lợi của cổ đông thiểu số lại chưa được bảo vệ một cách toàn diện. Cụ thể, khoản 1 Điều 166 LDN năm 2020 quy định cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ti khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, giám đốc hoặc tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ti hoặc người khác. Cổ đông, nhóm cổ đông này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của tòa án, trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện. Như vậy, cổ đông muốn khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với người quản lý công ti sẽ có thể gặp phải hai trở ngại: 1) phải sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông và 2) phải có được quyết định của tòa án, trọng tài để có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết cho vụ kiện. Bên cạnh đáp ứng các yêu cầu của pháp luật doanh nghiệp, việc khởi kiện của cổ đông phải tuân theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thực tế, ngay cả khi sở hữu tỉ lệ cổ phần tương đối lớn trong công ti, quyền khởi kiện của cổ đông cũng không dễ thực hiện, ví dụ như trường hợp đầu tháng 3/2020, hai đại diện của Tổng công ti Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (SBIC) gửi đơn đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để

tiếp tục kháng cáo việc dân sự yêu cầu hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ của CTCP Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn, vụ việc kéo dài gần 8 năm nay, cho thấy sự phức tạp của các tình tiết để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên đại diện của CTCP Sứ Hoàng Liên Sơn vắng mặt. Hay như trường hợp ông Nguyễn Ngọc Long, cổ đông nắm giữ 16,7% cổ phần tại CTCP Công trình vận tải (trụ sở ở TP. Hải Phòng) mất nhiều năm theo đuổi pháp lý để yêu cầu doanh nghiệp cung cấp tài liệu, tình hình tài chính, nhiều bất cập trong quản lý doanh nghiệp được ông Long đưa ra, nhưng đại diện công ty “năm lần bảy lượt” vắng mặt, không cung cấp tài liệu⁸.

Trong thông lệ quốc tế, quyền khởi kiện của cổ đông đối với người quản lý công ty được xem là xương sống của quyền lực cổ đông và là cơ sở cho việc bảo vệ cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số trong trường hợp người quản lý, điều hành khống chế mọi hoạt động của công ty và do đó công ty với tư cách là một chủ thể pháp lý độc lập không thực hiện quyền khởi kiện đối với hành vi gây thiệt hại cho lợi ích của mình⁹. Về bản chất, trong trường hợp cổ đông khởi kiện để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty, cổ đông tiến hành khởi kiện không vì mục đích của chính mình mà vì lợi ích của công ty nên về nguyên tắc, bất kỳ cổ đông nào cũng có thể thực hiện quyền này khi phát sinh căn cứ khởi kiện mà không cần phải đáp ứng điều kiện về tỉ lệ cổ phần sở hữu, đồng thời, cũng cần thiết có những cơ

ché thuận lợi hơn trong quá trình cổ đông thực hiện quyền khởi kiện công ty.

Tuy nhiên, nếu bỏ đi điều kiện về tỉ lệ cổ phần sở hữu đối với quyền khởi kiện, có thể gây ra tình trạng các cổ đông siêu nhỏ (cổ đông sở hữu cổ phần ít hơn 1% tổng số lượng cổ phần của công ty) lạm dụng quyền khởi kiện gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hay không? Tác giả cho rằng, thay đổi này sẽ không đem lại quá nhiều tác động tới hoạt động của doanh nghiệp bởi hai lí do. Thứ nhất, tình huống các cổ đông rất nhỏ nói trên liên tục nộp đơn khởi kiện là khó xảy ra trên thực tế bởi lẽ nhóm cổ đông này chịu ít tác động hơn đáng kể so với các cổ đông lớn hơn khác từ hoạt động kinh doanh của công ty. Thứ hai, việc khởi kiện đòi hỏi nhiều sự chuẩn bị về mặt thời gian và vật chất. Cụ thể, theo quy định tại khoản 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Trường hợp vì lí do khách quan mà người khởi kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì họ phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Người khởi kiện bổ sung hoặc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác theo yêu cầu của tòa án trong quá trình giải quyết vụ án”. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, “thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện

⁸ Đỗ Mến, *Gian nan thực hiện quyền khởi kiện của cổ đông*, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/gian-nan-thuc-hien-quyen-khoi-kien-cua-co-dong-post234491.html>, truy cập 07/03/2022.

⁹ Anupam Chander, “Minorities, Shareholder and Otherwise”, *Yale Law Journal* 113, 2003, tr. 134.

phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí". Như vậy, người khởi kiện sẽ cần phải chuẩn bị những tài liệu, chứng cứ liên quan đến đơn khởi kiện, đồng thời phải đóng tạm ứng án phí theo quy định pháp luật. Những công việc nói trên đòi hỏi nhiều thời gian và công sức để thực hiện, do đó việc các cá nhân, pháp nhân là cổ đông nhỏ lẻ lạm dụng quyền khởi kiện để gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp là rất khó xảy ra.

2.3. Sự độc lập của ban kiểm soát, thành viên độc lập hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán nội bộ thuộc hội đồng quản trị

Về cơ cấu tổ chức quản lý CTCP, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam cho phép công ti lựa chọn một trong hai mô hình tổ chức: mô hình có ban kiểm soát, hoặc mô hình có thành viên độc lập HĐQT và ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Theo đó, thành viên của HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ bầu ra, sau đó các thành viên HĐQT sẽ bầu một thành viên làm chủ tịch HĐQT, có thể kiêm giám đốc hoặc tổng giám đốc công ti (trừ trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

Nếu công ti được tổ chức dưới mô hình có ban kiểm soát, các thành viên của ban kiểm soát cũng sẽ do ĐHĐCĐ bầu ra. Trường hợp CTCP có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ti thì không bắt buộc phải có ban kiểm soát. Nếu công ti được tổ chức theo mô hình có thành viên độc lập HĐQT và ủy ban kiểm toán, thì ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Theo đó, ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm định hướng và giám sát một số lĩnh vực quản trị cụ thể

bao gồm việc thiết lập, triển khai và đảm bảo tính hiệu quả của ban kiểm toán nội bộ doanh nghiệp. Điều 161 LDN năm 2020 quy định chủ tịch uỷ ban kiểm toán phải là thành viên độc lập HĐQT và các thành viên khác của uỷ ban kiểm toán phải là thành viên HĐQT không điều hành. Tuy nhiên, thành viên độc lập HĐQT có quyền hạn khá hạn chế, bao gồm thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ti và quyền đề nghị họp HĐQT. Trong khi đó, ngoài chức năng giám sát, ban kiểm soát có quyền kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát điều hành hoạt động kinh doanh của công ti.

Như vậy, có thể thấy sự tách bạch giữa chức năng điều hành và giám sát trong các CTCP tại Việt Nam vẫn chưa được triệt để khi các giám đốc điều hành hay thành viên HĐQT vẫn được quyền đề cử, giới thiệu và bỏ phiếu bầu ra các thành viên ban kiểm soát hay thành viên độc lập HĐQT, uỷ ban kiểm toán. Chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát và thành viên độc lập HĐQT, uỷ ban kiểm toán còn khá hạn chế và chưa có tầm ảnh hưởng ngang hàng với HĐQT.

3. Hướng hoàn thiện quy định pháp luật về quản trị công ti cổ phần

3.1. Về quy định người đại diện theo pháp luật của công ti cổ phần

Như đã phân tích ở trên, pháp luật doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam chỉ quy định mỗi người đại diện theo pháp luật của công ti đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba trong trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong điều lệ công ti. Về vấn đề này,

pháp luật của Anh đi xa hơn khi quy định vì lợi ích của mọi bên thứ ba giao dịch với một công ti một cách ngay tình, quyền hạn của các giám đốc (người đại diện) được nhân danh công ti hoặc ủy quyền lại cho người khác hành động nhân danh công ti được coi như không chịu bất cứ giới hạn nào theo các văn bản nội bộ (nghị quyết của công ti hay của bất cứ nhóm cổ đông nào hoặc bất cứ thỏa thuận nào giữa các thành viên của công ti hay của bất cứ nhóm cổ đông nào)¹⁰. Theo đó, một bên giao dịch với công ti không có nghĩa vụ phải tìm hiểu việc giới hạn thẩm quyền của người đại diện và được coi là hành động ngay tình trừ khi công ti có thể chứng minh được điều ngược lại và cũng không bị xem là không ngay tình chỉ vì biết rằng một giao dịch cụ thể vượt quá thẩm quyền của người đại diện theo quy định của các văn bản nội bộ của công ti¹¹. Trong vụ “Henning Berg v Blackburn Rovers Football Club and another” năm 2013, khi Blackburn Rovers Football Club từ chối trả tiền bồi thường cho ông Berg theo hợp đồng đã kí kết với lí do người đại diện kí hợp đồng (ông Shaw) không có đủ thẩm quyền theo thỏa thuận với chủ sở hữu, thẩm phán của tòa án tối cao Anh đã kết luận rằng: *“Vấn đề tôi quan tâm không phải là liệu hợp đồng có được sự cho phép của chủ sở hữu hay không mà là liệu ông Berg có được quyền cho rằng hợp đồng đã được kí bởi giám đốc điều hành của Blackburn hay không”*¹².

Đặt trong sự so sánh với pháp luật doanh nghiệp Việt Nam, có thể cho rằng LDN năm 2020 chưa tính đến sự khó khăn của bên thứ ba trong việc tiếp cận thông tin đầy đủ và chính xác đối với điều lệ doanh nghiệp khi quyết định xác lập giao dịch với một CTCP. Theo đó, mục tiêu bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba xác lập giao dịch với CTCP chưa được thực hiện một cách toàn diện và quy định như hiện nay cũng chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Do đó, cần quy định vấn đề này theo hướng bên thứ ba khi xác lập giao dịch với CTCP không có nghĩa vụ phải tìm kiếm, xác nhận lại thông tin về quyền và nghĩa vụ cụ thể của mỗi người đại diện theo pháp luật của công ti trong trường hợp công ti có nhiều người đại diện theo pháp luật.

3.2. Quy định về quyền của cổ đông phổ thông trong việc khởi kiện người quản lí công ti

LDN năm 2020 giới hạn tỉ lệ sở hữu 1% tổng số cổ phần phổ thông đối với cổ đông muốn khởi kiện người quản lí công ti. Tỉ lệ 1% này trong LDN năm 2020 có ý nghĩa ngăn chặn các cổ đông không có gắn kết nhiều với doanh nghiệp cổ tình khởi kiện để làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ti với mục đích xấu. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, về nguyên tắc bất kì cổ đông nào cũng nên được phép thực hiện quyền này khi phát sinh căn cứ khởi kiện mà không cần phải đáp ứng điều kiện về tỉ lệ cổ phần sở hữu. Để cân bằng giữa hai vấn đề này, các nhà làm luật tại Anh đã chọn cách tiếp cận theo hướng thắt chặt về trình tự, thủ

casesupdate.co.uk/content/berg-v-blackburn-rovers-football-club-athletic-plc-2013-ewhc-1070-ch.fffef86f1274dfc98e3398b29367772.htm, truy cập 07/3/2022.

¹⁰ Khoản 1 Điều 40 Luật Công ti Anh 2006 (Companies Act 2006), <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2006/46/section/40>, truy cập 07/3/2022.

¹¹ Khoản 2 Điều 40 Luật Công ti Anh 2006 (Companies Act 2006), <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2006/46/section/40>, truy cập 07/3/2022.

¹² Xem thêm: *Henning Berg v Blackburn Rovers Football Club and another*, <https://employment>

tục khởi kiện đối với trường hợp cổ đông khởi kiện người quản lý công ti. Theo đó, Phần 11 Luật Công ti Anh năm 2006 và Quy tắc tố tụng dân sự Anh về trình tự, thủ tục khởi kiện đối với trường hợp này quy định rằng một vụ kiện như vậy phải được bắt đầu bằng việc cổ đông, ngoài việc nộp đơn yêu cầu bồi thường như đối với thủ tục thông thường, phải nộp cả đơn xin phép tòa án cùng với các chứng cứ để được tiếp tục vụ kiện. Sau đó, tòa án sẽ áp dụng thủ tục xem xét hai cấp độ để quyết định việc có cho phép cổ đông khởi kiện hay không: 1) cấp độ thứ nhất: đây có phải là một vụ kiện có cơ sở rõ ràng hay không (“prima facie case”); 2) trong trường hợp bị bác đơn, cổ đông có thể yêu cầu tòa án xem xét cấp độ thứ hai dựa trên nhiều yếu tố khác. Sau khi cho phép vụ kiện được tiếp tục, tòa án sẽ đưa ra hướng dẫn cung cấp chứng cứ chuẩn bị cho việc xét xử, thủ tục xét xử khi đó sẽ được tiến hành như đối với một vụ kiện thông thường¹³.

Như vậy, với hướng tiếp cận trên, bằng sự can thiệp của tòa án ngay từ giai đoạn đầu tiên của vụ kiện, pháp luật Anh đã tính đến nhiều nhóm lợi ích cần được bảo vệ khi quy định về quyền khởi kiện này. Đặt trong bối cảnh pháp luật của Việt Nam hiện nay, việc xây dựng thêm một trình tự, thủ tục riêng đối với trường hợp cổ đông khởi kiện người quản lý công ti có thể sẽ mất nhiều thời gian, đặt thêm gánh nặng công việc cần xử lý lên hệ thống tòa án vốn đã trong tình trạng quá tải vụ việc. Trong thời gian đó, lựa chọn cách tiếp cận giới hạn tỉ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông được quyền khởi kiện

của Việt Nam có thể được coi là hợp lý. Tuy nhiên, trong tương lai, để bảo đảm quyền lợi chính đáng của các cổ đông thiểu số, các nhà làm luật Việt Nam cần lựa chọn một cách tiếp cận khác để hạn chế vấn đề trên, khi đó việc đưa vào trình tự khởi kiện một thủ tục liên quan đến đơn yêu cầu tiếp tục vụ kiện như quy định tại Luật Công ti Anh năm 2006 có thể là một nguồn tham khảo tốt. Cùng với đó, để đảm bảo việc khởi kiện của cổ đông được hiệu quả, không bị tác động bởi người quản lý CTCP, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam có thể xem xét nới lỏng quyền tiếp cận thông tin của cổ đông, cho phép cổ đông khởi kiện được quyền tiếp cận thông tin từ thời điểm bắt đầu thủ tục tố tụng; và quyết định của tòa án, trọng tài chỉ nên được áp dụng trong trường hợp người quản lý không hợp tác cung cấp thông tin cần thiết.

3.3. Quy định về sự độc lập của ban kiểm soát, thành viên độc lập hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc hội đồng quản trị

Liên quan đến cơ cấu quản lý CTCP, Cộng hòa Liên bang Đức là quốc gia tiêu biểu áp dụng hình thức quản trị nhị cấp với sự tách bạch giữa ban điều hành và ban kiểm soát. Thành viên của ban điều hành được bổ nhiệm với nhiệm kỳ tối đa 5 năm và bãi nhiệm (phải có lý do) bởi ban kiểm soát và có thể được tái bổ nhiệm. Trong khi đó, thành viên của ban kiểm soát thông thường sẽ được bổ nhiệm trong các cuộc họp đại hội cổ đông thường niên. Theo Luật Đồng quyết của Đức (Co-determination Act 1976), tùy thuộc vào số lượng lao động trong công ti mà một phần ba hoặc một nửa số thành viên ban kiểm soát sẽ được bầu bởi người lao động. Các giám đốc điều hành không thể áp đặt sự ảnh hưởng của mình đối với những vị

¹³ Nguyễn Hoàng Thùy Trang, “Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông công ti cổ phần theo pháp luật Anh và bài học đối với Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 05(66)/2011, tr. 36 - 42.

trí thành viên ban kiểm soát do lao động trong công ti bầu. Bên cạnh chức năng bổ nhiệm, giám sát và bãi nhiệm thành viên của ban điều hành, trong một số trường hợp cụ thể, điều lệ hoặc ban kiểm soát có thể quyết định một số hoạt động quan trọng mà nếu công ti muốn thực hiện thì nhất thiết phải có sự đồng ý của ban kiểm soát¹⁴. Thêm vào đó, để giảm thiểu hơn nữa tầm ảnh hưởng của giám đốc điều hành tới hoạt động của ban kiểm soát, ban kiểm soát có thể bao gồm số lượng hợp lí các thành viên độc lập. Vì vậy, có thể thấy hệ thống quản trị CTCP tại Đức đã trao quyền hạn cho các bên liên quan bằng cách giúp họ có thể kiểm soát được quyền lợi của mình - giải phóng các kiểm soát viên khỏi phụ thuộc vào sự quản lí.

Tiếp thu những ưu điểm của hình thức quản trị nhị cấp của Cộng hòa Liên bang Đức, để nâng cao hiệu quả chức năng của ban kiểm soát hay các thành viên độc lập, LDN Việt Nam cần sửa đổi các quy định liên quan tới việc bầu ra ban kiểm soát và thành viên độc lập HĐQT theo hướng các thành viên HĐQT và ban giám đốc không được quyền đề cử hay giới thiệu và bỏ phiếu bầu ra các thành viên ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT. Điều này sẽ giúp tránh tình trạng ban kiểm soát hay các thành viên độc lập HĐQT hoạt động vì lợi ích của HĐQT và ban giám đốc. Bên cạnh đó, đối với thành viên độc lập HĐQT với chức năng là giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lí điều hành công ti, pháp luật cần đưa ra những quy định cụ thể và chi tiết hơn về vị trí này trong CTCP để tránh tình trạng các công ti bầu ra

vị trí này chỉ mang tính hình thức và không có giá trị trên thực tiễn.

Ngoài ra, cơ chế đồng quyết tại Luật Đồng quyết của Đức ra đời đã tăng cường quyền hiện diện và tham gia của người lao động vào việc quản trị trong CTCP, nhằm ngăn chặn việc các giám đốc điều hành theo đuổi một cách quá mức cần thiết những dự án rủi ro, vì cái lợi trước mắt do người lao động thường hướng về sự phát triển lâu dài, bền vững của công ti, nơi làm việc. Nhờ việc dòng thông tin giữa các ban và người lao động được cải thiện một cách đáng kể thông qua cơ chế đồng quyết, người lao động có thể tiếp cận các thông tin liên quan tới hoạt động của công ti và có thể trực tiếp đóng góp ý kiến của mình với các quyết định của công ti, đồng thời tạo nên môi trường làm việc dân chủ và giảm thiểu tình trạng đình công, biểu tình của người lao động. Do vậy, trong tương lai, các nhà làm luật tại Việt Nam có thể cân nhắc cơ chế này khi xây dựng, hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp, hướng tới môi trường kinh doanh sản xuất bình đẳng hơn, quan tâm hơn tới những người yếu thế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Quang Anh, “Quy chế pháp lí quản trị công ti cổ phần tại Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 2/2019.
2. Anupam Chander, “Minorities, Shareholder and Otherwise”, *Yale Law Journal* 113, 2003.
3. Nguyễn Hoàng Thùy Trang, “Quyền khởi kiện phái sinh của cổ đông công ti cổ phần theo pháp luật Anh và bài học đối với Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lí Việt Nam*, số 05(66)/2011.

¹⁴ Trương Quang Anh, “Quy chế pháp lí quản trị công ti cổ phần tại Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 02/2019, tr. 11.